

Số: 30

Ngày 05/8/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức và người lao động uống rượu, bia trước, trong và giữa giờ làm việc.
2. Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.
3. Thu một lần 100% tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 02 trường hợp.
4. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.
5. 03 nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.
6. Hướng dẫn việc xếp đổi các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.
7. Tăng cường công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết.

VĂN BẢN CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Quy định về chế độ báo cáo của Thông tấn xã Việt Nam.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hành vi vi phạm về tặng và nhận quà tặng bị xử lý như thế nào?
2. Những dấu hiệu nào của người có chức vụ, quyền hạn được xác định là có xung đột lợi ích?
3. Việc tạm đình chỉ người thực hiện nhiệm vụ, công cụ được giao có xung đột lợi ích khi nào?
4. Việc đình chỉ người thực hiện nhiệm vụ, công cụ được giao có xung đột lợi ích khi nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. NGHIÊM CẤM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG UỐNG RƯỢU, BIA TRƯỚC, TRONG VÀ GIỮA GIỜ LÀM VIỆC

Đây là nội dung được quy định tại Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019.

Luật nghiêm cấm các hành vi xúi giục, kích động, lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu bia; bán, cung cấp, khuyến mại rượu bia cho người chưa đủ 18 tuổi; nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, người làm việc trong lực lượng vũ trang nhân dân, học sinh, sinh viên uống rượu, bia ngay trước, trong giờ làm việc, học tập và nghỉ giữa giờ làm việc, học tập; điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; tổ chức, cá nhân quảng cáo không được thể hiện các nội dung có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; sử dụng người chưa đủ 18 tuổi hoặc hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia; quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác phải có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia.

Để phòng, ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia, Luật quy định người điều khiển phương tiện giao thông không uống rượu, bia trước và trong khi tham gia giao thông; cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra nồng độ cồn trong máu, hơi thở của người điều khiển phương tiện giao thông đang tham gia giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông. Luật khoan vùng địa điểm không uống rượu, bia gồm: cơ sở y tế, cơ sở giáo dục trong thời gian giảng dạy, học tập, làm việc; cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi; cơ sở cai nghiện; cơ sở bảo trợ xã hội; nơi làm việc của cơ quan nhà nước trong thời gian làm việc; các địa điểm công cộng...

Cá nhân, tổ chức có quyền được cung cấp thông tin phù hợp, chính xác, khách quan, khoa học, đầy đủ về rượu, bia, nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và tác hại của rượu, bia. Có quyền phản ánh, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia; tố cáo cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

2. BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG CÁC VÙNG ĐẤT NƯỚC

Vùng đất ngập nước là vùng đầm lầy, vùng đất than bùn, vùng ngập nước thường xuyên hoặc ngập nước tạm thời theo mùa, kể cả các vùng ven biển, ven đảo có độ sâu không quá 06 mét khi ngấn nước thủy triều thấp nhất. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi cả nước và từng địa phương; ban hành và điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi toàn quốc đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư đầu tư, tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên tại vùng đất ngập nước. Đây là nội dung quan trọng được quy định tại Nghị định số 66/2019/NĐ-CP, ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Theo đó, tiêu chí xác định vùng đất ngập nước quan trọng là vùng đất ngập nước có diện tích từ 50 ha trở lên đối với đất ngập mặn ven biển, ven đảo hoặc từ 5 ha trở lên đối với đất ngập nước nội địa, có chứa hệ sinh thái tự nhiên quan trọng đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau: có chứa ít nhất một kiểu đất ngập nước tự nhiên có tính chất đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái; là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít

nhất một loại đặc hữu hoặc 05 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc 01 loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc của 10.000 cá thể chim nước, chim di cư trở lên; giữ vai trò quan trọng trong điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái của một vùng liên tỉnh hoặc quốc gia; có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hóa đối với quốc gia. Định kỳ 5 năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật, điều chỉnh danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh các nội dung trên, Nghị định còn quy định cụ thể việc xây dựng cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước; điều kiện thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia và cấp tỉnh; tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước; quản lý vùng đệm của khu bảo tồn đất ngập nước...Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/9/2019.

3. THU MỘT LẦN 100% TỔNG SỐ TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI 02 TRƯỜNG HỢP

Ngày 31/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2019/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Nghị định quy định rõ cấp quyền khai thác khoáng sản với phương thức thu một lần bằng 100% tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp: giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường có thời hạn khai thác đến 5 năm hoặc tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến 1 tỷ đồng; giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thời hạn khai thác đến ba năm hoặc tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến 500 triệu đồng. Ngoài hai trường hợp nêu trên, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thu nhiều lần đối với các trường hợp còn lại, lần đầu thu với số tiền được tính bằng 30% tổng số tiền chia cho nửa thời hạn khai thác, từ lần thu thứ hai bằng tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trừ đi số tiền thu lần đầu và chia đều cho số năm phải nộp còn lại và hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép. Theo đó, thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định lần đầu chậm nhất là 90 ngày (tính từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế địa phương và trước khi nhận Giấy phép khai thác); từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được chia làm 2 kỳ (thời hạn nộp tiền chậm nhất của kỳ thứ nhất là ngày 31/5, kỳ thứ 2 là 31/10, trong trường hợp có nhu cầu

nộp một lần tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho cả năm thì thời hạn chậm nhất là ngày 31/5 trong năm); trường hợp phải tạm dừng khai thác khoáng sản do yêu cầu hoặc được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thời điểm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh trong kỳ (nếu có) được lùi bằng thời hạn phải tạm dừng khai thác khoáng sản, nhưng không vượt quá thời gian khai thác còn lại của giấy phép. Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp thu hồi khoáng sản không phải thăm dò ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc thu hồi cát, sỏi từ các dự án nạo vét lòng sông, cát nhiễm mặn từ các dự án nạo vét đường thủy nội địa, vùng nước cảng được thu hàng năm theo tờ khai quyết toán thuế tài nguyên cuối năm, nộp một lần chậm nhất vào 31/5 của năm kế tiếp. Trường hợp đang tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì sau khi có quyết định phê duyệt chính thức, tiền chậm nộp chỉ tính đối với phần thu tiền bổ sung và được tính là sau 90 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra thông báo thu phần tiền bổ sung. Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản gửi 01 bản sao y bản chính cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đối với giấy

phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, giám sát. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2019.

4. KHÔNG BỔ TRÍ VỐN CHO CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG

Ngày 29/7/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Theo đó, các bộ, ngành, địa phương triển khai lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025; trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần tập trung phân tích tình hình triển khai thực hiện kế hoạch theo ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch đã được duyệt, kết quả giải ngân, số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được duyệt, tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Các bộ: Y tế, Quốc phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh báo cáo tình hình thực hiện đầu tư, xây dựng 05 bệnh viện tuyến trung ương và tuyến cuối từ nguồn ứng vốn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp trong đó báo cáo chi tiết tổng số vốn được ứng từ quỹ, số đã giải ngân, số vốn đã xuất quỹ nhưng chưa giải ngân, số vốn chưa xuất quỹ, số vốn bố trí dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương các năm 2017-2019 và việc triển khai thực hiện.

Về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2021-2025, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do cấp có thẩm quyền quyết định. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. 03 NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG CƠ SỞ ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 23/7/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 46/2019/TT-BTC hướng dẫn xác định nhu cầu,

nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ.

Theo đó, đối với các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP là nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2019 (nếu có); sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019 (phần còn lại sau khi đã sử dụng để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.21 triệu đồng/tháng lên 1.39 triệu đồng/tháng); sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2019 tăng thêm so với dự toán năm 2018 được cấp có thẩm quyền giao. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thì nguồn kinh phí cũng giống với các cơ quan hành chính nhà nước chỉ riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Ngân sách trung ương bổ sung kinh phí cho các bộ, cơ quan Trung ương trong trường

hợp các nguồn kinh phí theo quy định nhỏ hơn nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở. Thông tư có hiệu lực từ ngày 06/9/2019.

6. HƯỚNG DẪN VIỆC XẾP ĐỔI CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH VĂN THƯ

Ngày 02/8/2019, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 10/2019/TT-BNV hướng dẫn việc xếp lương đổi các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.

Từ ngày 20/9/2019, các ngạch công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư được áp dụng Bảng 2 (lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang cụ thể như sau: ngạch văn thư chính (mã số 02.006) áp dụng bảng lương công chức loại A2 nhóm 1; ngạch văn thư (mã số 02.007) áp dụng bảng lương công chức loại AI; ngạch văn thư trung cấp (mã số 02.008) áp dụng bảng lương công chức loại B. Trong trường hợp công chức được tuyển dụng vào vị trí việc làm có yêu cầu ngạch công chức

tương ứng là ngạch văn thư trung cấp nhưng có trình độ cao đẳng trở lên thì bổ nhiệm vào ngạch văn thư trung cấp và áp dụng bảng lương của công chức loại B. Việc chuyển xếp lương đối với công chức đang làm công tác văn thư từ các ngạch công chức chuyên ngành văn thư hiện giữ hoặc các ngạch công chức khác sang ngạch công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BNV được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau: xếp lương ngạch văn thư chính (mã số 02.006) đối với công chức hiện đang xếp lương ngạch chuyên viên chính văn thư và tương đương; xếp lương ngạch văn thư (mã số 02.007) đối với công chức hiện đang xếp lương ngạch chuyên viên văn thư và tương đương; xếp lương ngạch văn thư trung cấp (mã số 02.008) đối với công chức hiện đang xếp lương ngạch cán sự văn thư và tương đương hoặc công chức hiện đang xếp lương ngạch nhân viên văn thư có trình độ từ trung cấp trở lên.

7. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

Ngày 29/7/2019, Bộ Y tế ban hành Chỉ thị số 07/CT-BYT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết.

Theo đó, Sở Y tế các tỉnh thành phố tăng cường giám sát, phát hiện sớm và xử lý triệt để các ổ dịch; huy động mọi nguồn lực trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng công tác phòng chống dịch, kiên quyết không để dịch lan rộng và kéo dài. Các địa phương cần tổ chức 3 chiến dịch lớn diệt loăng quăng/bọ gậy ngay từ cuối tháng 7 đến hết năm; kiện toàn và duy trì thường xuyên đội ngũ công tác viên, đội xung kích phòng chống sốt xuất huyết; tổ chức phun hóa chất diệt muỗi trên diện rộng tại các khu vực nguy cơ cao và các điểm tập trung đông người như chợ, trường học, bến xe, bệnh viện...

Bên cạnh đó, các đơn vị cần tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm vận động mọi người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch ngay tại hộ gia đình với khẩu hiệu “không có loăng quăng, không có sốt xuất huyết”; hướng dẫn người dân cách tự xử lý các dụng cụ chứa nước không cho muỗi vào đẻ trứng, các biện pháp diệt muỗi và phòng tránh muỗi đốt...

VĂN BẢN CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Ngày 26/6/2019, Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ban hành Quyết định số 33/QĐ-TTX quy định về chế độ báo cáo của Thông tấn xã Việt Nam trong đó quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung chế độ báo cáo của Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) với các cơ quan hành chính nhà nước; không áp dụng với chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan TTXVN, chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật thống kê và chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Theo đó, TTXVN phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo; xây dựng hệ thống thông tin báo cáo của TTXVN để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí trong thực hiện báo cáo. Báo cáo của TTXVN gửi tới các cơ quan nhận báo cáo bằng 02 hình thức (báo cáo bằng văn

bản giấy có chữ ký thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và gửi bản điện tử; báo cáo bằng văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị) và một trong 05 phương thức gửi (gửi trực tiếp; gửi qua bưu điện; gửi qua fax; gửi qua trực liên thông văn bản Quốc gia hoặc hệ thống thư điện tử; gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo của TTXVN). Thời hạn gửi báo cáo đối với báo cáo định kỳ là báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp của TTXVN được quy định như sau: báo cáo tháng gửi chậm nhất là 17 giờ ngày 25 hàng tháng; báo cáo quý gửi chậm nhất là 17 giờ ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo; báo cáo 6 tháng gửi chậm nhất là 17 giờ ngày 15/6; báo cáo năm gửi chậm nhất là 17 giờ ngày 10/12. Đối với báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo theo yêu cầu cụ thể của từng báo cáo. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT BẢN VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 195/2013/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT XUẤT BẢN

Bộ Thông tin và Truyền thông đang tổ chức lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

Ban dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định chung về chế độ báo cáo định kỳ; hướng dẫn ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi in; trình tự thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề; nội dung cơ bản của hợp đồng liên kết giữa nhà xuất bản và đối tác; hướng dẫn việc ghi thông tin trên xuất bản phẩm; thủ tục cấp và đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định; trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động xuất bản phẩm;...

Theo đó, trình tự, thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập xuất bản phẩm như sau: việc xác định biên tập viên thuộc trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Xuất bản phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành lập thành biên bản; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành phải ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập. Kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, biên tập viên không được thực hiện biên tập bản thảo, đứng tên trên xuất bản phẩm và có trách nhiệm nộp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho Cục Xuất bản, In và Phát hành.

Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập xuất bản phẩm bị thu hồi (trừ trường hợp biên tập viên có chứng chỉ hành nghề biên tập bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, các tội xâm phạm an ninh quốc gia) được thực hiện như sau: sau 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, biên tập viên được đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xem xét việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; nếu không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập xuất bản phẩm bị mất hoặc hư hỏng được thực hiện như sau: chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày chứng chỉ hành nghề biên tập bị mất hoặc hư hỏng, biên tập viên phải có hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập; trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xem xét việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; nếu không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn thành dự thảo Thông tư quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất

bản gửi các bộ, ngành, đơn vị có liên quan và đăng tải trên website của Bộ để lấy ý kiến góp ý tổng hợp trình Chính phủ vào Quý IV năm 2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Hành vi vi phạm về tặng và nhận quà tặng bị xử lý như thế nào?*

Trả lời: Theo Điều 28 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng quy định rõ xử lý vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng như sau: cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài chính công, tài sản công tặng quà không đúng quy định thì phải bồi hoàn giá trị quà tặng cho Nhà nước. Cá nhân sử dụng tài chính công, tài sản công tặng quà không đúng thẩm quyền, không đúng quy định thì phải bồi hoàn giá trị quà tặng và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nhà nước. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về nhận quà tặng, xử lý quà tặng, người có chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định về nhận quà tặng, báo cáo, nộp lại quà tặng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử

lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nhà nước.

2. Hỏi: *Những dấu hiệu nào của người có chức vụ, quyền hạn được xác định là có xung đột lợi ích?*

Trả lời: Theo Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng quy định người có chức vụ, quyền hạn được xác định là có xung đột lợi ích khi có dấu hiệu rõ ràng cho rằng người đó thuộc hoặc sẽ thuộc một trong các trường hợp sau đây: nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình; thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác; tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên

quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết; sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ, quyền hạn của mình để vụ lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác; bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu; góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề do mình trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước hoặc để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề do mình trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước; ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột hoặc để doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột tham dự các gói thầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình khi được giao thực hiện các giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là người có quyền, lợi ích trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của mình; can thiệp hoặc tác động không đúng

đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền vì vụ lợi.

3. Hỏi: *Việc tạm đình chỉ người thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích khi nào?*

Trả lời: Theo Điều 33 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng quy định việc tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có xung đột lợi ích; việc tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác được thực hiện khi có căn cứ cho rằng nếu để người đó thực hiện nhiệm vụ, công vụ hoặc tiếp tục giữ vị trí công tác đó sẽ không đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác được thực hiện theo quy định của Nghị định này và những quy định khác của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về lao động.

4. Hỏi: *Việc đình chỉ người thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích khi nào?*

Trả lời: Theo Điều 34 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

hành Luật Phòng, chống tham nhũng quy định việc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có xung đột lợi ích được thực hiện khi có căn cứ rõ ràng về việc người đó có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có tác động không đúng đắn, gây khó khăn, cản trở đến hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có căn cứ được quy định tại điều trên thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền quản lý người có chức vụ, quyền hạn quyết định

đình chỉ công tác thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với người có chức vụ, quyền hạn. Quyết định đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải ghi rõ họ và tên của người có chức vụ, quyền hạn; thời gian đình chỉ; lý do đình chỉ; quyền và nghĩa vụ của người có chức vụ, quyền hạn bị đình chỉ; hiệu lực thi hành. Quyết định đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải được gửi cho người bị đình chỉ và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích./.